

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-5-2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: **Hà Tuấn Vĩnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: **Nguyễn Thị Oanh**

Bà: **Bùi Thị Thịnh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hà Thị Chử** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1986 dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (Lần hai, không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2015 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự đồng viên chia sẻ, từ đó xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L theo quy định.

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh L cư trú, Tòa án đã có biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H cũng như việc anh L thường vắng mặt nơi cư trú, anh L cố tình che giấu địa chỉ tại chính quyền địa phương nơi anh L cư trú, anh L đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã thông báo cho anh L được biết việc chị H yêu cầu ly hôn anh L, nhưng anh L cũng không đến Tòa án để giải quyết việc chị H yêu cầu ly hôn anh L. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H đối với anh Nguyễn Văn L về việc “Ly hôn”.

Về nuôi con chung: Chị H và anh L không có con chung nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Nguyễn Thị Mai H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú là thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn L đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nơi anh L cư trú, nhưng anh L vẫn không có mặt. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mai H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng năm 2016 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh tại xã A thể hiện anh L đi lái xe thuê không rõ địa chỉ cụ thể,

thường xuyên vắng mặt tại địa phương và anh L không báo cho chính quyền địa phương. Hiện nay chị H và anh L sống ly thân, mỗi người sống và làm việc một nơi, không quan tâm gì đến nhau, quá trình chung sống anh chị không có con chung và anh chị không tạo lập được tài sản chung. Chị H xác định không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[5] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị H và anh L không có con chung, do vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai H. Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

**Về Án phí:** Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001319, ngày 28/12/2020.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Hùng An;
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Tuấn Vĩnh**